TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thuý**
2. Ông **Dương Tấn Khoán**

- ***Thư ký phiên tòa:*** *Ông* **Lê Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:*** *Ông* **Nguyễn Duy Luân** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà K D Th S, sinh năm: 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn B H, xã C H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- *Bị đơn:* Ông T Đ, sinh năm: 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn S V, xã C H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà K D T S trình bày: Bà và ông T Đ đã tìm hiểu và tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại thôn B H, xã C H và có 01 người con chung tên: K D T T, sinh năm 2013. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập đi chơi với bạn bè, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Vợ chồng sống ly thân, ông Đ về sống với cha mẹ ruột từ tháng 01/2022 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà đồng ý nuôi dưỡng 01

người con chung tên: K D T T, sinh năm 2013. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T Đ không đến Toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử luôn tuân theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K D Th S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T Đ.

Về con chung: Giao cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên K D T T, sinh năm 2013. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà K D Th S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T Đ. Bà S đồng ý nuôi dưỡng 01 con chung tên K D T T, sinh năm 2013 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông T Đ. Thông báo có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu, giấy khai sinh. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do bà S cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông S vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà K D Th S và ông T Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 18/4/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà S và ông Đ sống chung với nhau tại thôn B H, xã C H và có 01 người con chung. Theo Biên bản lấy lời khai của bà S, ngày 28/6/2022 (BL 34) có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà S và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, hiện nay ông Đ đang sống tại nhà mẹ ruột. Lý do mâu thuẫn vì ông Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bà S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Theo biên bản xác minh ngày 15/8/2022 (BL 31), chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú có nội dung: "Các đương sự trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hiện tại đã sống ly thân…". Từ những nhận định trên, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K D Th S về việc xin ly hôn ông T Đ.

[4] Về con chung: Do sau khi sống ly thân bà Sử là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con và phù hợp với nguyện vọng của cháu theo biên bản ghi lời khai của con (BL 32). HĐXX xét thấy giao bà Sử tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung chưa thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà K D T S phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà K D Th S được ly hôn với ông T Đ

2. Về con chung: Giao cho bà Sử tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung chưa thành niên tên K D Th T, sinh năm 2013. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm nhưng khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000136 ngày 01/4/2022 của chi cục thi hành án huyện Thuận Bắc. Bà S đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2022). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tống đăt, niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Công Hải (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng